

Số: 27012022/BC-QTRR

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO

Quản trị rủi ro năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Ủy ban Giám Sát Tài Chính Quốc gia

I. Bộ máy quản trị rủi ro

1) Thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Tên	Chức vụ
1	Nguyễn Trung Hà	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Đinh Thị Hoa	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
3	Terence Ting	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
4	Nguyễn Thanh Thảo	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên Hội đồng quản trị
6	Nguyễn Nam Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị
7	Phan Minh Tâm	Thành viên Hội đồng quản trị
8	Nguyễn Thành Nam	Thành viên Hội đồng quản trị

2) Thành viên Ban kiểm soát:

Stt	Tên	Chức vụ
1	Đỗ Việt Hùng	Trưởng ban kiểm soát
2	Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên ban kiểm soát
3	Đồng Thị Phương Liên	Thành viên ban kiểm soát

3) Thành viên Ban Giám đốc:

Stt	Tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thanh Thảo	Tổng Giám đốc
2	Lê Quang Tiến	Kế toán trưởng

II. Văn bản, quy trình, quy chế về quản trị rủi ro

1) Cơ cấu tổ chức của bộ máy quản trị rủi ro

Bao gồm Ban Giám đốc, một (01) Giám đốc quản trị rủi ro và một (01) Chuyên viên quản trị rủi ro

a) Chức năng, nhiệm vụ của các thành viên trong bộ máy quản trị rủi ro

➤ Đối với Ban Giám đốc:

-Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công Ty và từng bộ phận trong Công Ty;

- Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công Ty;

-Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Giám Đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;

-Phê duyệt các đề xuất thay đổi chính sách Quản trị rủi ro theo từng thời kỳ, biến động thị trường.

➤ Đối với Giám đốc Quản trị rủi ro:

-Xây dựng và sử dụng các phương pháp, mô hình đánh giá và đo lường rủi ro;

-Quản lý và điều hành bộ phận thực hiện chức năng đánh giá quản trị rủi ro hoạt động trong hoạt động trong mảng nghiệp vụ phụ trách nhằm mục đích giảm thiểu rủi ro hoạt động.

-Chỉ đạo và quản lý bộ phận đánh giá rủi ro hoạt động, đảm bảo thực hiện các hoạt động cốt lõi, thẩm quyền, nhiệm vụ của Quản trị rủi ro hoạt động mảng nghiệp vụ phụ trách hiệu quả.

-Đảm bảo các chính sách, tiêu chuẩn, và phương pháp luận được thực hiện một cách thống nhất.

-Hướng dẫn CBNV để đảm bảo các chương trình của Quản trị Rủi ro hoạt động mảng nghiệp vụ phụ trách được thực hiện một cách hiệu quả và hữu hiệu.

-Báo cáo định kỳ với Hội đồng Quản trị về các rủi ro hiện hữu, biện pháp xử lý rủi ro, dự báo rủi ro, biện pháp phòng tránh liên quan đến các rủi ro về hoạt động, thanh khoản, hệ thống CNTT, quản trị nhân sự, bảo mật thông tin, chế độ báo cáo và các rủi ro khác ảnh hưởng đến hoạt động của công ty.

➤ Đối với Chuyên viên Quản trị rủi ro:

-Đề xuất, tham mưu các nội dung quy định tại Điều lệ Công ty, Chính sách quản trị rủi ro

-Theo dõi trạng thái rủi ro so với các hạn mức rủi ro để cảnh báo, nhận biết sớm rủi ro và nguy cơ vi phạm hạn mức rủi ro;

-Nhận dạng đầy đủ và theo dõi các rủi ro phát sinh;

-Kiểm soát, phòng ngừa và đề xuất biện pháp giảm thiểu rủi ro phát sinh;

-Tham gia các nội dung liên quan đến rủi ro trong quá trình đưa ra các quyết định có rủi ro tương ứng theo từng cấp có thẩm quyền theo quy định nội bộ của công ty.

-Trau dồi, tham gia các khóa đào tạo về quản trị rủi ro trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, kế toán, kiểm toán; tham gia các buổi hội thảo, trao đổi kiến thức, hướng dẫn các chính về quản trị công ty của Sở giao dịch Chứng khoán, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Bộ Tài Chính.

b) Cơ chế phân cấp thẩm quyền quyết định và trách nhiệm của từng thành viên

Các thành viên có thẩm quyền quyết định trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ đã được giao và chịu trách nhiệm với toàn bộ chức năng, nhiệm vụ đó.

2) Chính sách rủi ro

a) Mô tả chính sách rủi ro của công ty:

➤ Chính sách quản trị rủi ro thiết lập các nguyên tắc, quy trình, vai trò và trách nhiệm trong việc quản lý tất cả các rủi ro liên quan đến hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thiên Việt (“TVS”)

CHỦ TH Đ

- ▶ Mục tiêu của chính sách này nhằm đảm bảo công tác quản trị rủi ro được thực hiện một cách có hệ thống, nhất quán nhằm tương thích với mong đợi từ các bên liên quan nhằm đạt được các mục tiêu kinh doanh đề ra
- ▶ Tất cả các nhân viên của TVS và các chi nhánh của TVS áp dụng chính sách này

b) Khả năng chấp nhận rủi ro của công ty

Để quản lý rủi ro một cách hiệu quả, TVS luôn luôn duy trì và phân biệt hai khái niệm:

- ▶ **Khả năng chấp nhận rủi ro** là khả năng dùng vốn chủ sở hữu, lợi nhuận kỳ vọng (dự kiến) và các nguồn lực tài chính sẵn có để bù đắp tại mọi thời điểm tất cả các rủi ro trọng yếu và những tổn thất tiềm ẩn có hữu mà công ty chứng khoán chấp nhận.
- ▶ **Hạn mức rủi ro** là khoản vốn phải được phân bổ để đáp ứng nguy cơ rủi ro có thể gây tổn thất tối đa mà toàn bộ công ty, hay từng bộ phận kinh doanh có thể chịu đựng được trong một thời gian và mức độ tin cậy nhất định.

Đối với khả năng chấp nhận rủi ro:

- ▶ TVS luôn thận trọng đối với tất cả các loại rủi ro. Công ty chỉ chấp nhận những rủi ro đã được xem xét một cách thận trọng và đảm bảo rằng công ty có kế hoạch hành động cụ thể nhằm giảm thiểu khả năng xảy ra hoặc tác động nếu rủi ro xảy ra.
- ▶ TVS sẽ thực hiện các hoạt động kinh doanh của mình một cách hiệu quả và phù hợp với mức độ chấp nhận rủi ro tổng thể được Hội đồng quản trị của TVS phê duyệt.
- ▶ TVS tránh rủi ro nếu rủi ro có thể tránh được và không phù hợp với khẩu vị rủi ro của TVS đồng thời việc tránh rủi ro tốn kém ít chi phí hơn việc quản lý rủi ro.
- ▶ TVS tránh rủi ro ảnh hưởng tới uy tín và hình ảnh của Công ty. Đặc biệt các rủi ro liên quan đến gian lận, các rủi ro vi phạm pháp luật thì mức độ chấp nhận rủi ro là thấp nhất.

Dựa vào các khả năng chấp nhận rủi ro, HĐQT quyết định khả năng chấp nhận rủi ro của TVS được thiết lập theo nguyên tắc:

- ▶ Đảm bảo mức độ chấp nhận rủi ro gắn kết với các mục tiêu và sáng kiến kinh doanh chiến lược của TVS;
- ▶ Đảm bảo mức độ chấp nhận rủi ro tương thích với quyền lợi và kỳ vọng của các bên liên quan;
- ▶ Mức độ chấp nhận rủi ro phải được chuẩn hóa dưới dạng các thông điệp dễ hiểu và phù hợp với các bên liên quan;
- ▶ Mức độ chấp nhận rủi ro do Ban điều hành xác định và được HĐQT rà soát, phê duyệt định kỳ ít nhất hàng năm hoặc khi có các biến động trọng yếu

Bảng các tiêu chí/ thông số đo lường rủi ro

Cơ sở nền tảng để xây dựng các tiêu chí/ thông số đo lường rủi ro là khả năng chấp nhận rủi ro và hạn mức rủi ro. Tùy từng giai đoạn, TVS sẽ xây dựng các tiêu chí đo lường mức độ về Khả năng xảy ra và mức độ ảnh hưởng đối với từng rủi ro, gọi chung là “Bảng thông số đo lường rủi ro”. Bảng thông số rủi ro đã được HĐQT phê duyệt như sau:

Đo lường khả năng xảy ra của rủi ro

310
DÔN
ĐỒ
ING
IÊN
H-

Cho hoạt động môi giới

Điểm	Khả năng xảy ra	Mô tả
1	Thấp	Rủi ro này gần như chắc chắn xảy ra ít nhất 1 lần trong vòng 6 tháng tới
2	Trung bình	Rủi ro này gần như chắc chắn xảy ra ít nhất 1 lần trong vòng 1 tháng tới
3	Cao	Rủi ro này gần như chắc chắn xảy ra ít nhất 1 lần trong vòng 1 tuần tới
4	Rất cao	Rủi ro này gần như chắc chắn xảy ra ít nhất 1 lần trong vòng 1 ngày

Cho hoạt động đầu tư và hoạt động khác

Điểm	Khả năng xảy ra	Mô tả
1	Thấp	Rủi ro này gần như chắc chắn xảy ra ít nhất 1 lần trong vòng 9 tháng tới
2	Trung bình	Rủi ro này gần như chắc chắn xảy ra ít nhất 1 lần trong vòng 6 tháng tới
3	Cao	Rủi ro này gần như chắc chắn xảy ra ít nhất 1 lần trong vòng 3 tháng tới
4	Rất cao	Rủi ro này gần như chắc chắn xảy ra ít nhất 1 lần trong vòng 1 tháng tới

3) Hạn mức rủi ro và đo lường rủi ro

a) Hạn mức rủi ro và đo lường rủi ro cho từng nghiệp vụ

Đo lường mức độ ảnh hưởng của rủi ro

Cơ sở nền tảng để xây dựng các tiêu chí/ thông số đo lường rủi ro là khả năng chấp nhận rủi ro và hạn mức rủi ro. Tùy từng giai đoạn, TVS sẽ xây dựng các tiêu chí đo lường mức độ về Khả năng xảy ra và mức độ ảnh hưởng đối với từng rủi ro, gọi chung là “Bảng thông số đo lường rủi ro

Về mặt tài chính: Tổng hạn mức rủi ro đối với hoạt động nghiệp vụ của TVS trong năm 2021 là 160 tỷ đồng, trong đó nghiệp vụ môi giới và dịch vụ tài chính là 10 tỷ đồng, hoạt động tự doanh chứng khoán niêm yết là 70 tỷ đồng, tự doanh chứng khoán chưa niêm yết, trái phiếu là 50 tỷ đồng, hoạt động bảo lãnh phát hành, tư vấn là 10 tỷ đồng, kinh doanh nguồn vốn là 10 tỷ đồng, quản lý quỹ là 10 tỷ đồng

Ảnh hưởng phi tài chính:

30
IG
PH
KI
IV
TI

Ảnh hưởng phi tài chính					
	Khách hàng	Pháp lý	Nhân viên	Danh tiếng	Gián đoạn hệ thống
Risk Appetite					
1 - Thấp	Ảnh hưởng một phần nhỏ khách hàng	Cảnh cáo từ cơ quan quản lý nhà nước	Tỷ lệ nghỉ việc 3% năm	Tin đồn	Hệ thống CNTT chính <= 1 giờ
2 - Trung bình	Ảnh hưởng một số khách hàng Ngày càng nhiều phản nản từ khách hàng	Khiến trách công khai từ cơ quan quản lý nhà nước	Tỷ lệ nghỉ việc 5% năm	Sự kiện xấu ảnh hưởng và làm lu mờ hình ảnh TVS, nhưng chưa công bố trên phương tiện truyền thông đại chúng, nhu phản nản khách hàng	Hệ thống CNTT chính > 2 giờ
3 - Lớn	Ảnh hưởng phần lớn khách hàng Ngày càng nhiều các phản nản nghiêm trọng	Kiên tụng về dân sự	Tỷ lệ nghỉ việc 7% năm	Tin tức xấu được công bố trên phương tiện truyền thông đại chúng trên cả nước - trong 2 ngày	Hệ thống CNTT chính > 4 giờ
4 - Rất lớn	Ảnh hưởng hầu hết tất cả khách hàng	Vi phạm nghiêm trọng về pháp luật, dẫn đến: 1. Kiên tụng về dân sự và hình sự 2. Đình chỉ hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ nghỉ việc 10% năm	Tin tức xấu được công bố trên phương tiện truyền thông đại chúng trên cả nước - hơn 2 ngày làm việc liên tục	Hệ thống CNTT chính > 8 giờ

b) Hạn mức rủi ro và đo lường rủi ro cho tất cả các nghiệp vụ

Các phương pháp đo lường rủi ro thường ước lượng các giá trị rủi ro ở các điều kiện kinh doanh thông thường, do đó các biện pháp xử lý rủi ro dựa trên các ước lượng này thường không phù hợp trong các điều kiện đặc biệt khó khăn như khủng hoảng tài chính hay các điều kiện thảm họa khác. Vì thế công ty đưa ra hạn mức tổng cho rủi ro tất cả các nghiệp vụ để đảm bảo vốn khả dụng hấp thụ được những tổn thất có thể. Tổng hạn mức rủi ro đối với ảnh hưởng tài chính và phi tài chính đến công ty là 150 tỷ đồng.

4) Quy trình xác định rủi ro

Bước 1: Định tính định lượng,

Bước 2: Kiểm thử trạng thái rủi ro;

Bước 3: Dự đoán và kiểm soát các rủi ro tiềm tàng

Bước 4: Thực hiện, giám sát việc thực thi các chính sách quản lý rủi ro đã được phê duyệt, ban hành.

Bước 5: Cập nhật quy trình, hướng dẫn quản trị rủi ro từ phía Sở giao dịch, Ủy ban Chứng Khoán, Ủy ban Giám Sát Tài Chính để xây dựng mô hình nhận diện, xác định rủi ro tập trung và phi tập trung.

5) Kế hoạch dự phòng

➤ Giảm thiểu rủi ro: Áp dụng các biện pháp để giảm ảnh hưởng/ hậu quả của rủi ro đến Công ty, giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro, hoặc cả hai

➤ Chia sẻ rủi ro: Chuyển tất cả hoặc một phần rủi ro cho bên thứ ba như quy định về rủi ro trong hợp đồng, tiến hành mua bảo hiểm cho các hoạt động kinh doanh.

➤ Chấp nhận rủi ro: Không có biện pháp để thay đổi xác suất và tác động của rủi ro. Công ty phải đảm bảo có đủ vốn để hấp thụ được những tổn thất có thể đối mặt từ rủi ro này.

III. Công tác kiểm tra giám sát của Công ty về quản trị rủi ro

1) Nội dung kiểm tra, giám sát

a) Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan

- Tuân thủ quy định pháp luật; thực hiện thay đổi, cập nhật Điều lệ, quy chế theo các văn bản pháp luật hiện hành
- Tuân thủ nghiêm ngặt các hạn chế về giao dịch, margin đối với từng mã cổ phiếu trên thị trường, theo chỉ đạo của Sở giao dịch Chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán
- Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nhân viên và đạo đức người hành nghề chứng khoán theo quy định pháp luật.
- Tuân thủ tuyệt đối các quy trình về nộp báo cáo, công bố thông tin, thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm toán định kỳ BCTC của công ty.
- Thực hiện rà soát định kỳ các rủi ro theo hạn mức quy định dưới sự giám sát của Sở giao dịch Chứng khoán và Ủy Ban Giám sát Tài chính Quốc gia

b) Tuân thủ quy trình, quy chế của Công ty

- Tuân thủ quy trình, quy chế tương ứng với các phòng ban về tình hình hoạt động và kiểm soát rủi ro.
- Các rủi ro, sự cố hoặc tổn thất đáng kể được báo cáo và quản lý một cách chủ động bởi từng hoạt động kinh doanh và Các vấn đề quan trọng được xem xét bởi Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị và sau cùng là Hội đồng quản trị của TVS.
- Liên tục theo dõi và cập nhật rủi ro
- Chuẩn hóa quy trình và các điểm kiểm soát
- Rà soát và đánh giá hiệu quả CNTT

2) Số lần kiểm tra trong năm (4 lần)

Lần 1: ngày 31/03/2021

Lần 2: ngày 30/06/2021

Lần 3: ngày 30/09/2021

Lần 4: ngày 31/12/2021

3) Báo cáo kết quả kiểm tra

- Trong vòng 12 tháng tính từ 6 tháng trước và 6 tháng liền sau công ty không thay đổi định hướng chiến lược

- Công ty có khả năng hoạt động liên tục có lãi và có tăng trưởng lớn về doanh thu trong vòng 2 năm qua. Đủ dòng tiền để trang trải các nghĩa vụ về nợ

- Không có bất kỳ khiếu kiện/đòi nợ nào tại thời điểm hiện tại

- Công ty và nhân viên công ty không thuộc diện kiểm tra/thanh tra/điều tra

- Công ty và nhân viên công ty không bị xử phạt trong vòng 3 năm gần nhất

- Công ty đã thực hiện đào tạo nội bộ cho nhân viên về kỹ năng bán hàng/ cung cấp dịch vụ; hội thảo ngành nghề; tuân thủ luật pháp, quy định của công ty; kỹ năng cho cán bộ tuyển sau; sản phẩm dịch vụ; kỹ năng quản trị rủi ro; thời hạn xử lý và nộp báo cáo đến các cơ quan quản lý có thẩm quyền

-Bộ phận pháp lý luôn cập nhật những thay đổi pháp lý và phổ biến cho các bộ phận liên quan. Nguyên tắc hoạt động của TVS là luôn tuân thủ quy định của pháp luật. Ngoài ra, chức năng Kiểm soát nội bộ cũng thực hiện rà soát và đánh giá tính tuân thủ pháp lý một cách độc lập.

IV. Đánh giá tính độc lập ngăn ngừa xung đột lợi ích

1. Trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý công ty

ĐỌC
ÁN
T
HÀ NHƯ

-Tự giác: người được giao nhiệm vụ, nếu biết có xung đột lợi ích của người có chức vụ quyền hạn thì phải thông tin, báo cáo trực tiếp cấp trên để kịp thời xử lý

-Phát hiện: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi phát hiện có xung đột lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn thì phải thông tin, báo cáo cho người trực tiếp quản lý, sử dụng người đó để xem xét, xử lý.

-Thực hiện: Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; Tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác.

Công ty xem xét vai trò, chức năng của từng nhân viên nghiệp vụ, các cá nhân, đơn vị định kỳ mỗi quý để hạn chế việc xảy ra xung đột lợi ích. Có biện pháp xử lý kịp thời đối với người có nguy cơ xảy ra xung đột lợi ích.

2. Giao dịch với người có liên quan

-Công ty thực hiện quản lý các giao dịch với người có liên quan nghiêm ngặt theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty

-Thực hiện công bố thông tin đúng thời hạn trước và sau giao dịch

-Công ty định kỳ mỗi quý tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty và các giao dịch tương ứng của họ với công ty và thông báo Danh sách này cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Ngoài ra, công ty còn thực hiện thông báo Danh sách này đến Sở giao dịch Chứng khoán.

3. Giao dịch với cổ đông người quản lý công ty và người có liên quan của các đối tượng này

-Công ty chỉ thực hiện các giao dịch với cổ đông người quản lý công ty và người có liên quan khi được Đại hội Đồng cổ đông thông qua theo pháp luật và điều lệ Công ty.

-Giám sát các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất được hội đồng quản trị thông qua.

-Thực hiện công bố thông tin đúng thời hạn quy định các giao dịch này.

4. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến công ty

-Đảm bảo thực hiện nhanh chóng và hợp pháp các giao dịch với người liên quan của công ty.

-Rà soát các rủi ro liên quan đến xung đột lợi ích trước khi thực hiện các giao dịch của người liên quan.

-Công ty thực hiện xử lý các khiếu nại có liên quan đến quyền lợi của người liên quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp vượt khả năng và quy định tại Điều lệ, công ty sẽ chuyển đến cơ quan có thẩm quyền xem xét và xử lý.

(TỔNG) GIÁM ĐỐC 
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thanh Thảo

